

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 344/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thanh

2. Ông Trần Đăng Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Đỗ Thị Ngọc H, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Số nhà X, tổ Y, ấp M, xã N, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Dương Vũ L, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp V, xã C, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đỗ Thị Ngọc H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H và anh L kết hôn vào ngày 09/4/2016, đăng ký kết hôn vào ngày 27/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh L cờ bạc, thường ăn nhậu, ghen tuông, không chăm lo gia đình. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung, do đó anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không thể hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn

ngày càng nhiều nên chị H yêu cầu ly hôn với anh Luân.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Hải Đ, sinh ngày 13/8/2015, cháu Đ hiện đang sống với chị H nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án nhiều lần triệu tập anh Dương Vũ L nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do. Ngày 22/7/2020, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định số 39/2020/QĐ-CCTLCC ngày 22/7/2020 cho anh L, nhưng anh L vẫn không cung cấp ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh L, yêu cầu được nuôi cháu Đ, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày bổ sung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về chấp hành pháp luật*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Ngọc H, đề nghị giao cháu Đ cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

1.1 *Quan hệ tranh chấp*: Tranh chấp giữa chị Đỗ Thị Ngọc H và anh Dương Vũ L là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 *Thẩm quyền giải quyết*: Anh Dương Vũ L hiện đang sinh sống và có đăng ký hộ khẩu tại ấp V, xã C, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 *Về sự có mặt của đương sự*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] *Về nội dung tranh chấp*:

2.1 Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Ngọc H và anh Dương Vũ L có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 27/5/2016. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện để chị H và anh L được đoàn tụ, nhưng chị H cương quyết ly hôn, anh L không để Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định số 39/2020/QĐ-CCTLCC ngày 22/7/2020 cho anh L, nhưng anh L vẫn không cung cấp ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, như vậy anh L không có mong muốn được hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân muốn bền vững phải được cả hai vợ chồng đồng lòng, cùng nhau thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng trong đời sống hôn nhân, nhưng từ khi ly thân từ năm 2019 đến nay chị H và anh L không liên lạc với nhau, cả hai không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Ngọc H.

2.2 Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Dương Hải Đ, sinh ngày 13/8/2015. Cháu Đ hiện nay đang sống với chị H, chị H có yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Đ. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi chị H và anh L ly thân, cháu Đ đều được chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, anh L không có ý kiến mong muốn được nuôi con. Do đó, để cuộc sống của cháu Đ được ổn định, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Dương Hải Đ cho chị Đỗ Thị Ngọc H được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh Luân cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị H và gia đình phải tạo điều kiện cho anh L trong việc thực hiện nghĩa vụ, quyền của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc nuôi con có thể bị thay đổi theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,

khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Ngọc H.

- Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Ngọc H được ly hôn với anh Dương Vũ L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 27/5/2016 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Chị Đỗ Thị Ngọc H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Dương Hải Đ, sinh ngày 13/8/2015. Anh Dương Vũ L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006954 ngày 04/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/9/2020). Anh Dương Vũ L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Giao